TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Lệ Huyên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 260/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số A, Tổ A, khóm A, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số A, Tổ A, khóm A, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà L có mặt tại phiên tòa, ông T có đơn có nội dung xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Võ Thị L và ông Phan Văn T chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 11, thành phố Cao Lãnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 10/7/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Võ Thị L yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T.

- *Về con chung*: Bà L và ông T có 03 con chung Phan Thanh S, sinh ngày 28/02/1999, Phan Thị Minh T, sinh ngày 08/10/2002, Phan Thị Hà M, sinh ngày 15/10/2013. Hiện nay, 02 con chung Phan Thanh S và Phan Thị Minh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phan Thị Hà M đang sống cùng cha là ông Phan Văn T. Sau khi ly hôn, bà L đồng ý giao con chung Phan Thị Hà M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà L và ông T không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L trình bày: Bà L và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Phan Văn T có văn bản ý kiến trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông T thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn ông bà phát sinh. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T, ông T đồng ý.

- *Về con chung*: Bà L và ông T có 03 con chung Phan Thanh S, sinh ngày 28/02/1999, Phan Thị Minh Thư, sinh ngày 08/10/2002, Phan Thị Hà M, sinh ngày 15/10/2013. Hiện nay, 02 con chung Phan Thanh S và Phan Thị Minh Thư đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phan Thị Hà M đang sống cùng cha là ông Phan Văn T. Sau khi ly hôn, ông T thống nhất ý kiến của bà L: ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Thị Hà M, ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà L và ông T cam kết không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến của con chung Phan Thị Hà M: cháu M có nguyện vọng được sống với cha là ông Phan Văn T sau khi ba mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phan Văn T, có địa chỉ: số 203/6, Tổ 24, khóm 3, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn T nhưng ông T không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa. Ngày 30/6/2023, ông T có văn bản ý kiến có nội dung xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà Võ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn T.

Theo Võ Thị L trình bày tại phiên tòa, ông bà chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 11, thành phố Cao Lãnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 10/7/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Võ Thị L yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T. Đối với ông Phan Văn T, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ, gửi các văn bản tố tụng và ông T đã nhận được nhưng ông T không đến Tòa án. Ngày 30/6/2023, ông T có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà L.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và ông T và bà L đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: bà Võ Thị L và ông Phan Văn T có 03 con chung Phan Thanh S, sinh ngày 28/02/1999, Phan Thị Minh Thư, sinh ngày 08/10/2002, Phan Thị Hà M, sinh ngày 15/10/2013. Hiện nay, 02 con chung Phan Thanh S và Phan Thị Minh Thư đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phan Thị Hà M đang sống cùng cha là ông Phan Văn T. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý giao con chung Phan Thị Hà M cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại văn bản ý kiến, ông T cũng đồng ý tiếp tục nuôi con chung Phan Thị Hà M. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của cháu M cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là ông Phan Văn T. Về cấp dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại văn bản ý kiến ông T cũng không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà L và ông T là tự nguyện và phù hợp được quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông bà là phù hợp quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà L không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà bà đã nộp, nên bà L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 56, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L. Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung:

Bà Võ Thị L và ông Phan Văn T có 03 con chung Phan Thanh S, sinh ngày 28/02/1999, Phan Thị Minh Thư, sinh ngày 08/10/2002, Phan Thị Hà M, sinh ngày 15/10/2013.

Hiện nay, 02 con chung Phan Thanh S và Phan Thị Minh Thư đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Phan Thị Hà M đang sống cùng cha là ông Phan Văn T. Sau khi ly hôn, ông Phan Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phan Thị Hà M, sinh ngày 15/10/2013 đến khi con chung Phan Thị Hà M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà Võ Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị L và ông Phan Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị L và ông Phan Văn T không có nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Võ Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012422 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà Võ Thị L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai